



tiáo zi

条子

noun · note / slip / (slang) police officer

Example Sentences

tā liú le yī zhāng tiáo zi zài zhuō shàng
他留了一张条子在桌上。

He left a note on the table.

jīng chá shōu dào yī zhāng nì míng tiáo zi
警察收到一张匿名条子。

The police received an anonymous note.

Trace each character, then write the word on your own.

条	条	条	条	条	条	条	条	条	条	
子	子	子	子	子	子					